

Bản án số: 110/2018/HS-ST
Ngày 26 - 9 - 2018

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ VĨNH YÊN, TỈNH VĨNH PHÚC

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Đường

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Sái Văn Trọng;

Bà Nguyễn Thị Thúy Nga;

Thư ký phiên tòa: Bà Đặng Thị Ngọc Linh - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố V.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Vĩnh Yên tham gia phiên tòa:
Bà Đỗ Hương Dung - Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 9 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Vĩnh Yên, tỉnh Vĩnh Phúc xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 109/2018/TLST-HS ngày 10 tháng 9 năm 2018, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 110/2018/QĐXXST-HS ngày 10 tháng 9 năm 2018, đối với bị cáo:

Nguyễn Thị H, sinh ngày 26/3/1989, tại Vĩnh Phúc; nơi cư trú: Thôn NB, xã SL, huyện BX, tỉnh Vĩnh Phúc; nghề nghiệp: Không; trình độ văn hoá: 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nữ; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Văn S và bà Nguyễn Thị N; chồng: Phùng Anh N, sinh năm 1987 (đã ly hôn); con: 03 con, con lớn sinh năm 2013, con nhỏ sinh năm 2017; tiền án, tiền sự: Không; nhân thân: Có 01 tiền sử, tại quyết định xử phạt vi phạm hành chính số 0001170/QĐ- XPHC ngày 13/01/2015 bị cáo bị xử phạt 1.500.000đ về hành vi chiếm đoạt tài sản của người khác, ngày 14/01/2015 bị cáo đã nộp khoản tiền phạt; bị cáo tại ngoại (có mặt);

Bị hại: Chị Nguyễn Thị Bích L, sinh năm 1979; nơi cư trú: ĐT5, xã ĐT, huyện YL, tỉnh Vĩnh Phúc (vắng mặt);

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

- Chị Nguyễn Thị H, sinh năm 1976; nơi cư trú: Khu phố 2, thị trấn HC, huyện B X, tỉnh Vĩnh Phúc (vắng mặt);

- Bà Hà Thị H, sinh năm 1964; nơi cư trú: Khu phố 2, thị trấn HC, huyện BX, tỉnh Vĩnh Phúc (vắng mặt).

- Anh Nguyễn Văn T, sinh năm 1973; nơi cư trú: Thôn AL, xã SL, huyện BX, tỉnh Vĩnh Phúc (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 16 giờ ngày 25/5/2018, chị Nguyễn Thị Bích L đến siêu thị Co.op Mart để mua sắm, chị để 01 chiếc ví bằng vải thổ cẩm vào xe đẩy hàng rồi đi đến khu vực bán quần áo. Chị L để chiếc xe đẩy (bên trong có chiếc ví) ở lối đi giữa các quầy hàng và đi vào xem quần áo. Lúc đó Nguyễn Thị H cũng vào siêu thị Co.op Mart để mua sắm, H đi đến khu vực bán quần áo thì nhìn thấy chiếc xe đẩy hàng đang để giữa lối đi không có ai trông giữ, bên trong có 01 chiếc ví. H nhìn thấy chiếc ví căng phồng nên nảy sinh ý định trộm cắp tài sản. Quan sát xung quanh không có ai, H dùng tay phải lấy chiếc ví từ trong xe đẩy hàng rồi để vào xe đẩy của mình. H đi ra khu vực trông giữ xe máy, để chiếc ví vừa trộm cắp vào trong cốp xe và lấy xe máy đi ra khỏi siêu thị. H đi thẳng đến quảng trường Hồ Chí Minh, phường KQ, thành phố V thì dừng xe, kiểm tra trong chiếc ví vừa trộm cắp được có số tiền 5.700.000đ, 01 nhẫn vàng 9999, 02 nhẫn vàng tây có đính đá, 03 túi nilon nhỏ màu trắng bên trong có nhiều thẻ cào điện thoại của các nhà mạng Viettel, Vinafone và Mobifone còn mới nguyên có trị giá là 1.570.000đ và một số giấy tờ khác. H lấy toàn bộ số tiền, 03 nhẫn vàng và số thẻ điện thoại có trong ví ra còn chiếc ví cùng giấy tờ, H đi xe máy quay lại siêu thị Co.op Mart, nhờ một cháu bé bán hàng rong trả lại cho bảo vệ siêu thị (H không biết tên, tuổi, địa chỉ của cháu bé này). Sau đó, H đi đến tiệm vàng Hồng Khanh tại thị trấn HC, huyện BX của chị Nguyễn Thị H rồi bán 03 chiếc nhẫn vàng vừa trộm cắp được cho chị H với giá 9.650.000đ. H mua 02 dây chuyền vàng tại cửa hàng của chị H với giá 2.900.000đ, chị H đưa lại cho H số tiền 6.750.000đ. H tiếp tục đi đến cửa hàng tạp hóa đối diện cổng chợ thị trấn HC do bà Hà Thị H là chủ cửa hàng để bán số thẻ cào điện thoại vừa trộm cắp được. Trị giá số thẻ điện thoại, H bán với 80% giá trị ban đầu được 1.260.000đ. Toàn bộ số tiền trên H đã tiêu xài cá nhân hết.

Chị L sau khi xem hàng xong đi đến chiếc xe đẩy phát hiện chiếc ví đã bị kẻ gian trộm cắp, chị đã báo anh Hoàng Minh T là bảo vệ của siêu thị, anh T kiểm tra camera an ninh của siêu thị phát hiện một người phụ nữ đã trộm cắp chiếc ví của chị L và lấy xe rời khỏi siêu thị. Khoảng 20 phút sau, anh Trần Đình T là bảo vệ đã nhận lại 01 chiếc ví từ một cháu bé bán hàng rong (anh T không nhớ tên, tuổi, địa chỉ cụ thể của cháu bé này), chị L nhận đúng chiếc ví của chị bị trộm cắp, anh T giao lại chiếc ví cho chị L. Sau đó chị L đã đến Công an phường KQ trình báo sự việc, tài sản chị bị trộm cắp gồm: Số tiền 5.700.000đ; 01 nhẫn 02 chỉ vàng 9999 trị giá 7.400.000đ; 02 nhẫn vàng trang sức đính đá, mỗi chiếc nhẫn hơn 1 chỉ, trị giá khoảng 2.500.000đ/ 1 chiếc; một số thẻ cào của các nhà mạng Viettel, Mobifone, Vinafone, còn mới nguyên, tổng trị giá thẻ điện thoại là 1.570.000đ.

Tại kết luận giám định số 836/KLGD ngày 20/6/2018 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Vĩnh Phúc kết luận: Chụp được 12 ảnh nhận dạng đối tượng và diễn biến L quan đến vụ việc trên từ các tệp tin video gửi giám định. Ảnh chụp

và thuyết minh diễn biến được in vào Bản ảnh giám định kèm theo Kết luận giám định; Các tệp tin video gửi giám định được sao lưu sang 01 đĩa DVD gồm: 03 tệp tin có tên: TROM 25.5.asf, dung lượng 188KB; tên: TROM VI 25.5.18.asf, dung lượng 799KB và tên TROM VI CUA HACH 25.5.asf, dung lượng 374KB. Kèm theo Kết luận giám định: 01 bản ảnh giám định và 01 đĩa DVD có chữ ký của Giám định viên và dấu của phòng kỹ thuật hình sự.

Tại kết luận giám định số 3029/C54(P4) ngày 12/6/2018 của Viện khoa học kỹ thuật hình sự Bộ Công an kết luận:

01 chiếc nhẫn hình tròn bằng kim loại màu vàng mặt trên có gắn các viên đá không màu gửi giám định có tổng khối lượng 4,78g (tính cả khối lượng các viên đá), là vàng trang sức (Au), hàm lượng %Au: 63,19%; ngoài ra còn có đồng (Cu), bạc (Ag); hàm lượng %Cu: 23,19%, %Ag: 13,62%.

01 chiếc nhẫn hình tròn bằng kim loại màu vàng, trên có gắn các viên đá nhỏ không màu và 01 viên đá to màu tím gửi giám định có tổng khối lượng 5,91g (tính cả khối lượng các viên đá), là vàng trang sức (Au), hàm lượng %Au: 66,46%; ngoài ra còn có đồng (Cu), bạc (Ag), hàm lượng %Cu: 17,45%, %Ag: 16,09%.

01 chiếc nhẫn hình tròn bằng kim loại màu vàng được chế tác dưới dạng các hoa văn hình tròn gửi giám định có khối lượng 7,51g là vàng (Au), hàm lượng %Au: 99,90%.

Hoàn lại giám định gồm toàn bộ vật chứng còn lại sau giám định, có biên bản hoàn trả mẫu vật kèm theo (BL: 42-47).

Tại kết luận định giá số 110/KL-HĐĐG ngày 13/7/2018, Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự UBND thành phố V kết luận:

01 chiếc nhẫn hình tròn bằng kim loại màu vàng mặt trên có gắn các viên đá nhỏ không màu có tổng khối lượng 4,78g (tính cả khối lượng các viên đá) cơ quan có thẩm quyền xác định là vàng (Au) tỷ lệ 63,19% có giá 3.000.000đ.

01 chiếc nhẫn hình tròn bằng kim loại màu vàng mặt trên có gắn các viên đá nhỏ không màu và 01 viên đá to màu tím có tổng khối lượng 5,91g (tính cả khối lượng các viên đá) cơ quan có thẩm quyền xác định là vàng (Au) tỷ lệ 66,46% có trị giá 1.600.000đ.

01 chiếc nhẫn hình tròn bằng kim loại màu vàng được chế tác dưới dạng các hoa văn hình tròn tổng khối lượng 7,51g, cơ quan có thẩm quyền xác định là vàng (Au) tỷ lệ 99,90% trị giá 7.000.000đ.

Tổng trị giá là 11.600.000đ.

Tại Cáo trạng số: 113/CT-VKSND VY ngày 07/9/2018, Viện kiểm sát nhân dân thành phố V đã truy tố Nguyễn Thị H về tội: “Trộm cắp tài sản” theo khoản 1 Điều 173 của Bộ luật Hình sự năm 2015.

Tại Cơ quan điều tra và tại phiên tòa bị cáo Nguyễn Thị H đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình như nội dung bản cáo trạng.

Bị hại chị Nguyễn Thị Bích L vắng mặt tại phiên tòa nhưng tại biên bản lấy lời khai chị L trình bày: Ngày 25/5/2018, chị đến siêu thị Co.op Mart để mua sắm,

chị để 01 chiếc ví bằng vải thô cắm vào xe đẩy hàng và để chiếc xe ở lối đi giữa các quầy hàng rồi đi vào xem quần áo. Sau khi xem hàng xong, chị đi đến chiếc xe đẩy thì phát hiện chiếc ví đã bị kẻ gian trộm cắp. Tài sản chị bị trộm cắp gồm: Số tiền 5.700.000đ; 01 nhẫn 02 chỉ vàng 9999 trị giá 7.400.000đ; 02 nhẫn vàng trang sức đính đá, mỗi chiếc hơn 1 chỉ, trị giá khoảng 2.500.000đ/ 1 chiếc; một số thẻ cào của các nhà mạng Viettel, Mobifone, Vinafone, tổng trị giá thẻ điện thoại là 1.570.000đ. Ngày 25/7/2018, chị được Cơ quan điều tra trả lại 03 nhẫn vàng cùng số thẻ cào điện thoại; bị cáo H đã bồi thường cho chị số tiền 5.700.000đ, chị không yêu cầu bị cáo H phải bồi thường cho chị khoản tiền gì (Bút lục 65 -75).

Người có quyền lợi, nghĩa vụ L quan chị Nguyễn Thị H tại phiên tòa vắng mặt nhưng tại biên bản lấy lời khai chị H trình bày: Chị là người mua 03 nhẫn vàng của bị cáo H và bán cho H 02 dây chuyền vàng. Khi H mang số nhẫn vàng đến bán, chị không biết số nhẫn vàng trên là tài sản do H trộm cắp mà có. Bị cáo H đã bồi thường cho chị số tiền 6.750.000đ; cơ quan điều tra đã trả lại cho chị 02 dây chuyền vàng, chị không yêu cầu bị cáo H phải bồi thường cho chị khoản tiền gì (Bút lục 95 - 102).

Bà Hà Thị H tại phiên tòa vắng mặt nhưng tại biên bản lấy lời khai bà H trình bày: Bà là người mua số thẻ cào điện thoại của bị cáo H, khi H mang số thẻ cào đến bán, bà không biết số thẻ cào điện thoại trên là tài sản do trộm cắp mà có. Bị cáo H đã bồi thường cho bà số tiền 1.260.000đ, bà không yêu cầu bị cáo phải bồi thường cho bà khoản tiền gì (Bút lục 187 -123).

Anh Nguyễn Văn T tại phiên tòa vắng mặt nhưng tại biên bản lấy lời khai anh T trình bày: Bị cáo H có mượn chiếc xe máy BKS: 88G1- 063.85 của anh để làm phương tiện đi lại được khoảng 10 ngày, anh nhiều lần yêu cầu bị cáo H phải trả lại chiếc xe nhưng H chưa trả, anh không biết H sử dụng chiếc xe để trộm cắp tài sản. Anh đã được cơ quan điều tra trả lại chiếc xe máy, anh không yêu cầu bị cáo phải bồi thường khoản tiền gì (Bút lục 76 - 77).

Đại diện Viện kiểm sát luận tội đối với bị cáo, giữ nguyên quyết định truy tố như Cáo trạng. Căn cứ vào tính chất, mức độ phạm tội, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và nhân thân của người phạm tội, đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố bị cáo Nguyễn Thị H phạm tội: “Trộm cắp tài sản”; áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) xử phạt bị cáo H từ 12 tháng đến 15 tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày bắt thi hành án; áp dụng: điểm a khoản 1 Điều 47; khoản 1 Điều 48 của Bộ luật Hình sự năm 2015; khoản 2 Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015. Xác nhận cơ quan điều tra đã trả cho chị Nguyễn Thị Bích L: 03 nhẫn vàng và toàn bộ số thẻ cào điện thoại; anh Nguyễn Văn T 01 xe máy + 01 đăng ký xe là hợp pháp; xác nhận bị cáo H đã bồi thường cho chị Nguyễn Thị Bích L số tiền 5.700.000đ; chị Nguyễn Thị H số tiền 6.750.000đ; bà Hà Thị H số tiền 1.260.000đ; Tịch thu tiêu hủy: 01 áo phong cộc tay cổ tròn màu đen; 01 quần dài màu đen; trả lại cho bị cáo H:

01 điện thoại di động nhãn hiệu Samsung A5, 01 điện thoại di động nhãn hiệu Viettel nhưng cần tạm giữ để đảm bảo thi hành án.

Bị cáo Nguyễn Thị H không bào chữa và tranh luận gì. Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Lời khai nhận tội của bị cáo H tại Cơ quan điều tra cũng như tại phiên tòa phù hợp với nhau, phù hợp lời khai của bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, người làm chứng về thời gian, địa điểm, thủ đoạn, mục đích, động cơ phạm tội và hậu quả do tội phạm gây ra, cùng các tang vật đã thu giữ, các tài liệu chứng cứ khác được thu thập khách quan đúng pháp luật có trong hồ sơ vụ án. Do đó có đủ căn cứ để kết luận:

Khoảng 16 giờ ngày 25/5/2018, tại quầy bán quần áo trong khu vực siêu thị Co.op Mart, phường KQ, thành phố V, tỉnh Vĩnh Phúc, bị cáo Nguyễn Thị H đã có hành vi lén lút chiếm đoạt 01 chiếc ví bằng vải thổ cẩm của chị Nguyễn Thị Bích L, bên trong có 5.700.000đ tiền mặt, 01 nhẫn vàng tỷ lệ 99,90% qua định giá trị giá 7.000.000đ, 01 nhẫn vàng trang sức đính đá tỷ lệ vàng 66,46% qua định giá trị giá 1.600.000đ, 01 nhẫn vàng trang sức đính đá tỷ lệ vàng 63,19% qua định giá trị giá 3.000.000đ; 06 thẻ cào điện thoại mạng Mobifone; 10 thẻ cào điện thoại mạng Viettel; 10 thẻ cào điện thoại mạng Vinafone. Tổng giá trị tài sản chiếm đoạt là 18.870.000đ.

Hành vi nêu trên của bị cáo Nguyễn Thị H đã phạm vào tội “Trộm cắp tài sản”, tội phạm và hình phạt được quy định tại khoản 1 Điều 173 của Bộ luật Hình sự năm 2015 có khung hình phạt tù từ 06 tháng đến 3 năm.

Hành vi của bị cáo đã xâm phạm đến quyền sở hữu về tài sản của người khác được pháp luật bảo vệ, gây bất bình trong quần chúng nhân dân, ảnh hưởng xấu đến tình hình trật tự, trị an, an toàn xã hội. Do vậy, cần phải xử lý thật nghiêm minh mới có tác dụng giáo dục, răn đe và phòng ngừa chung.

[2] Xét tính chất, mức độ nghiêm trọng của tội phạm, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và nhân thân của người phạm tội, Hội đồng xét xử nhận thấy:

Bị cáo H phạm tội theo khoản 1 Điều 173 của Bộ luật Hình sự năm 2015 có mức cao nhất của khung hình phạt tù đến 3 năm nên theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 9 của Bộ luật Hình sự năm 2015 thì trường hợp nêu trên thuộc tội phạm ít nghiêm trọng.

Trước khi phạm tội bị cáo là người có nhân thân xấu, đã bị xử lý hành chính về hành vi cùng loại tội, lại tiếp tục vi phạm. Bị cáo không bị áp dụng tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự nào và có các tình tiết giảm nhẹ là thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải và bồi thường thiệt hại khắc phục hậu quả, người bị hại có đơn xin miễn truy cứu trách nhiệm hình sự cho bị cáo quy định tại điểm b, s khoản 1,

khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015 để Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ một phần hình phạt cho bị cáo. Song căn cứ vào hành vi phạm tội của bị cáo cần phải xử phạt bị cáo một mức hình phạt tù mới có tác dụng cải tạo bị cáo thành người có ích cho xã hội.

[3] Về hành vi, quyết định tố tụng của Điều tra viên, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo và những người tham gia tố tụng khác không có ý kiến hoặc khiếu nại gì về hành vi, quyết định của người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Điều tra viên và Kiểm sát viên đã thực hiện đều hợp pháp.

[4] Đối với người có liên quan và hành vi có liên quan trong vụ án:

Chị Nguyễn Thị H, bà Hà Thị H là người mua tài sản của bị cáo H do trộm cắp mà có, nhưng chị H, bà H đều không biết rõ đó là tài sản do phạm tội mà có nên Cơ quan điều tra không đề cập xử lý là có căn cứ. Anh Nguyễn Văn T là người cho bị cáo H mượn chiếc xe máy nhưng anh không biết bị cáo H sử dụng chiếc xe để trộm cắp tài sản nên Cơ quan điều tra không đề cập xử lý đối với anh T là phù hợp.

[5] Về hình phạt bổ sung: Theo quy định tại khoản 5 Điều 173 của Bộ luật Hình sự năm 1999 thì người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ năm triệu đồng đến năm trăm triệu đồng. Tuy nhiên, tại phiên tòa xác định bị cáo không có thu nhập ổn định, điều kiện kinh tế còn khó khăn nên Hội đồng xét xử quyết định miễn hình phạt bổ sung cho bị cáo.

[6] Về vật chứng:

Đối với 03 nhẫn vàng, số thẻ cào điện thoại và số tiền 5.700.000đ, quá trình điều tra Cơ quan điều tra xác định là tài sản hợp của chị Nguyễn Thị Bích L, ngày 25/7/2018 Cơ quan điều tra đã trả lại các tài sản trên cho chị L là hợp pháp; đối với 02 điện thoại thu giữ của H, quá trình điều tra xác định là tài sản cá nhân của H, không L quan đến hành vi phạm tội nên cần trả lại cho H nhưng tạm giữ để đảm bảo thi hành án.

Đối với bộ quần áo thu giữ của H, quá trình điều tra xác định là bộ quần áo H mặc vào thời điểm trộm cắp tài sản của chị L, bị cáo H không yêu cầu nhận lại bộ quần áo nên cần tịch thu tiêu hủy

[7] Về trách nhiệm dân sự: Cơ quan điều tra đã trả lại cho chị L 03 nhẫn vàng và toàn bộ số thẻ cào điện thoại. Bị cáo H đã bồi thường cho chị L số tiền 5.700.000đ; bồi thường cho chị H số tiền 6.750.000đ; bồi thường cho bà H số tiền 1.260.000đ. Anh T đã được cơ quan điều tra trả lại chiếc xe máy BKS: 88G1-063.85. Chị L, chị H, bà H sau khi nhận lại tiền, anh T sau khi nhận lại chiếc xe không yêu cầu bị cáo phải bồi thường khoản tiền gì, nên không đặt ra xem xét giải quyết.

[8] Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 173; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017), xử phạt bị cáo Nguyễn Thị H 01 (một) năm tù về tội “Trộm cắp tài sản”. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt bị cáo đi thi hành án.

Căn cứ khoản 1, khoản 2 Điều 47 của Bộ luật Hình sự năm 2015; khoản 2 Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015;

Tịch thu tiêu hủy: 01 áo phông cộc tay cổ tròn màu đen; 01 quần dài màu đen;

Trả lại cho bị cáo H: 01 điện thoại di động nhãn hiệu Samsung A5, 01 điện thoại di động nhãn hiệu Viettel nhưng cần tạm giữ để đảm bảo thi hành án (đặc điểm như biên bản giao nhận vật chứng ngày 18/9/2018).

Căn cứ Điều 136 của Bộ luật Tố tụng Hình sự năm 2015; nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án, bị cáo Nguyễn Thị H phải chịu 200.000đ (hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

Bị cáo có quyền kháng cáo Bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết./.

Nơi nhận:

- Sở Tư pháp tỉnh Vĩnh Phúc;
- VKSND thành phố V;
- Công an thành phố V;
- Trại tạm giam - CA Vĩnh Phúc;
- Chi cục thi hành án V;
- Thi hành án hình sự;
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu hồ sơ vụ án, văn phòng.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Đã ký

Nguyễn Thị Đường

